

Số: **25** /QĐ-GTTN

Thái Nguyên, ngày **24** tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

Căn cứ quy định Khoản 1 Điều 33 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;

Căn cứ “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên” ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-GTTN ngày 18/8/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;

Căn cứ Tờ trình số 587/TTr-GTTN ngày 15/11/2017 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;

Căn cứ các ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12/QĐ-GTTN ngày 13/6/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Điều 3. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban Công ty, các cổ đông, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *khog*

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Tổng Giám đốc Công ty;
- Các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty, (Khoa.45bản).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **25** /QĐ-GTTN ngày **24** tháng 11 năm 2017
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên)

CHƯƠNG 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Quy chế này quy định trình tự các bước công việc thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;

2. Quy định trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên có liên quan trong việc xây dựng nội dung và thực hiện công bố thông tin nhằm công khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đồng thời tuân thủ quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

2. Quy chế này áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc (các phòng ban Công ty, Thư ký Công ty), các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Điều 3. Các từ viết tắt

- CBTT : Công bố thông tin;
- NCBTT : Người được ủy quyền công bố thông tin;
- Công ty : Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;
- HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty;
- TCKT : Phòng Tài chính Kế toán Công ty;
- TCLĐ : Phòng Tổ chức Lao động Công ty;
- ĐTPT : Phòng Đầu tư Phát triển Công ty;
- KHKD : Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty;
- KT : Phòng Kỹ thuật Công ty;
- Phòng ban Công ty : Các phòng ban chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ và Văn phòng Công ty;
- TTLKCK : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC: Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty là:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát; Thành viên Ban kiểm toán nội bộ (nếu có);
 - c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có);
 - d) Kế toán trưởng, Phòng Tài chính Kế toán hoặc người phụ trách kế toán (nếu có);
 - e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
2. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: Là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của Công ty.
3. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty: Là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định, bao gồm: Trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn>; Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN; Trang thông tin điện tử của SGDCK.
5. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

Điều 5. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.
3. Công ty lập Trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn> có chuyên mục riêng về “Quan hệ cổ đông” (nhà đầu tư), trong đó công bố Điều lệ Công

ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

Công ty thông báo với UBCKNN, SGDCK công khai về địa chỉ Trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình với UBCKNN, SGDCK.

Điều 6. Thẩm quyền công bố thông tin

1. Việc CBTT của Công ty do Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do NCBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

2. Tổng giám đốc ủy quyền CBTT cho 01 cán bộ (đã được đăng ký theo mẫu Phụ lục số 01 cùng với Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục số 03, Thông tư số 155/2015/TT-BTC). Trường hợp thay đổi NCBTT, Công ty thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu hai mươi bốn (24) giờ trước khi có sự thay đổi.

3. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin của Công ty là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

4. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Tổng giám đốc hoặc NCBTT xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

Điều 7. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện trên các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn>;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK.

2. Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có). Đồng thời NCBTT có trách nhiệm gửi các thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử qua đường email theo yêu cầu cho người có trách nhiệm tại UBCKNN, SGDCK và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có).

Điều 8. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

Các đơn vị, cán bộ, nhân viên được Tổng giám đốc Công ty ủy quyền làm việc với các phương tiện thông tin đại chúng thông qua một số hình thức như: trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và viết bài về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh

doanh của Công ty phải trình Tổng giám đốc các thông tin dự định cung cấp, đề cập... Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG 2

THỦ TỤC, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Trình tự thực hiện công bố thông tin

1. Cung cấp thông tin

Khi phát sinh thông tin phải công bố theo quy định, các phòng ban Công ty, bộ phận liên quan chủ động phối hợp với Văn phòng hoặc Thư ký Công ty (tùy theo nhiệm vụ và nội dung) để lập văn bản gửi NCBTT của Công ty hoặc thông báo trực tiếp cho NCBTT báo cáo Tổng giám đốc.

Việc cung cấp thông tin của các phòng ban Công ty, bộ phận liên quan trong Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và email kèm theo cho NCBTT.

2. Xử lý thông tin

NCBTT cùng với các phòng ban Công ty, bộ phận liên quan tiến hành kiểm tra tính chính xác và tính phù hợp của nội dung báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT, chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo theo các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và các mẫu biểu hướng dẫn ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trình Tổng giám đốc phê duyệt

NCBTT trình Tổng giám đốc ký và đóng dấu báo cáo trước khi thực hiện CBTT. Trong trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt, NCBTT trình Phó Tổng giám đốc được ủy quyền ký và đóng dấu báo cáo. Báo cáo CBTT phải có chữ ký tắt của NCBTT và Các phòng ban Công ty, bộ phận liên quan.

4. Báo cáo và công bố thông tin

- NCBTT chuyển báo cáo CBTT đã được Tổng giám đốc phê duyệt cho Văn phòng Công ty;

- Văn phòng Công ty tiếp nhận văn bản báo cáo CBTT và gửi 02 bản chính (bản giấy) đến UBCKNN và SGDCK; đồng thời đăng báo cáo (bản dữ liệu điện tử) trên Trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn> tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông” (nhà đầu tư), trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và các phương tiện thông tin đại chúng (nếu có) đúng thời hạn quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Đồng thời NCBTT có trách nhiệm gửi các thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử qua đường email theo yêu cầu cho người có trách nhiệm tại UBCKNN, SGDCK và các cơ quan, tổ chức khác (nếu có);

- Trong trường hợp cần thiết sẽ gửi bằng Fax trước khi gửi văn bản chính thức. Bản chính báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK nếu không thể gửi trực tiếp có đóng dấu công văn đến tại các cơ quan này thì phải gửi bằng đường bưu điện có bảo đảm và có báo phát.

5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Thông tin công bố được lưu giữ tại bộ phận quản lý trực tiếp và Văn phòng Công ty dưới dạng văn bản và file dữ liệu;

- Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng), Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên phải được bảo quản và lưu trữ ít nhất 10 năm tại trụ sở chính Công ty. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn> tối thiểu 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử (Website) <http://www.tisco.com.vn> trong tối thiểu 05 năm;

- Văn phòng Công ty có trách nhiệm lưu trữ theo quy định hiện hành đối với các báo cáo đã gửi đi có đóng dấu công văn đi, các giấy báo phát của bưu điện để làm bằng chứng cho việc gửi báo cáo, công bố thông tin của Công ty và cùng với Thư ký Công ty phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết theo yêu cầu của nhà đầu tư và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có);

Báo cáo gửi qua email phải được lưu trữ trên máy tính và in ra để lưu kèm với bản lưu công văn đi. Báo cáo gửi bằng fax phải lưu kèm báo cáo kết quả truyền fax được in ra từ máy fax.

CHƯƠNG 3 CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 10. Thông tin cần công bố

Công ty công bố các thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan:

1. Công bố thông tin định kỳ

a) Báo cáo tài chính Quý:

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính Quý (bao gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc Quý.

Báo cáo tài chính Quý phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính Quý trên Trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

b) Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm):

Công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất sáu (6) tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Báo cáo tài chính bán niên phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp và phải được soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính.

Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trên Trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

c) Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm (bao gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo tài chính năm của Công ty phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên Trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 10 Quy chế này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo

cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

đ) Báo cáo thường niên

Công ty phải lập Báo cáo thường niên (theo Phụ lục số 04 Thông tư số 155/2015/TT-BTC) và phải công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất 20 ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo thường niên trên Trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

e) Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

Công ty khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

h. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGDCK và TTLKCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Công bố thông tin bất thường

a) Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

- Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản));

- Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

- Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính

(nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

- Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành;

- Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty được sửa đổi, bổ sung;

- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ;

- Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

- Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

- Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

- Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

- Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ mười phần trăm (10%) trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán

hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

- Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

b. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 10 Quy chế này;

- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

c. Công ty khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có);

d. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu;

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK và báo cáo UBCKNN, đồng thời CBTT chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

e. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

- Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

- Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

+ Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

+ Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

- Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Chương 4

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 11. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, SGDCK, Công ty (theo Phụ lục số 06 Thông tư số 155/2015/TT-BTC) trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng một phần trăm (1%) (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu) phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên (theo Phụ lục số 07 Thông tư số 155/2015/TT-BTC).

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán và được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLKCK trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty (nếu có), khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, Công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái

phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty khi bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Khi thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương V

TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGĐCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, công bố thông tin có tác dụng tích cực đối với hoạt động kinh doanh của Công ty được xem xét, đề nghị khen thưởng theo Quy chế Thi đua, khen thưởng của Công ty.

Điều 17. Kỷ luật

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có hành vi vi phạm quy trình công bố thông tin; tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, công bố thông tin sai sự thật hoặc vi phạm thời hạn công bố bị UBCKNN,

SGDCK phạt gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty và của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được áp dụng trong hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, những vấn đề khác không được đề cập tại Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo quy định pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc (các phòng ban Công ty, Thư ký Công ty) thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, các cổ đông, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định trong Quy chế này.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

1. Các nội dung quy định về CBTT chưa được nêu tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản pháp luật liên quan đến Quy chế này có thay đổi, bổ sung thì áp dụng theo các quy định của pháp luật. Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên có trách nhiệm cập nhật, bổ sung trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên quyết định./.

Khoá
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /QĐ-VNS ngày 24 tháng 11 năm 2017
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên)

TT	Nội dung	Mẫu biểu	Đơn đốc và kiểm tra	Chuẩn bị nội dung		Rà soát và trình ký		Thực hiện công bố thông tin		
				Đơn vị thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị thực hiện	Thời gian hoàn thành	Trên Website Cty	UBCKNN SGĐCK	Thời gian hoàn thành
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ									
I	Báo cáo Quý									
1	Báo cáo tài chính Quý I (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 15/4	NCBTT và TCKT	Trước ngày 19/4	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 20/4
2	Báo cáo tài chính Quý II (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 15/7	NCBTT và TCKT	Trước ngày 19/7	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 20/7
3	Báo cáo tài chính Quý III (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 15/10	NCBTT và TCKT	Trước ngày 19/10	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 20/10
4	Báo cáo tài chính Quý IV (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 15/01	NCBTT và TCKT	Trước ngày 19/01	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 20/01
II	Báo cáo 6 tháng									
1	Báo cáo tài chính 6 tháng soát xét (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 10/8	NCBTT và TCKT	Trước ngày 13/8	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 15/8

III Báo cáo năm										
1	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (Báo cáo Cty mẹ và báo cáo hợp nhất)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	TCKT	Trước ngày 25/03	NCBTT và TCKT	Trước ngày 28/03	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 30/03
3	Báo cáo Thường niên	P.Lục 04, Thông tư 155/BTC	NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	Các phòng ban phối hợp	Trước ngày 15/4	NCBTT và các Ban	Trước ngày 18/4	Văn phòng	NCBTT	Trước ngày 20/4
	I. Thông tin chung			TCLĐ, ĐTPT						
	II. Tình hình hoạt động trong năm									
	- Tình hình hoạt động SXKD			KHKD						
	- Tổ chức và Nhân sự.			TCLĐ						
	- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án			ĐTPT						
	- Tình hình Tài chính			TCKT						
	- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư Chủ sở hữu			TCKT, Tký Cty						
	- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội			KT						
	III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc			KHKD, các phòng Ban Cty phối hợp						
	IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty			Tký Cty						

	V. Quản trị Công ty (chỉ thực hiện CBTT khi Công ty là tổ chức niêm yết)			Tký CTy						
	VI. Báo cáo Tài chính cả năm			TCKT						
B	BÁO CÁO THÔNG TIN KHÔNG THƯỜNG XUYÊN									
I.	Thông tin về các đối tượng khác									
1	Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn							Văn phòng		Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan.
2	Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ							Văn phòng		Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan.
3	Ủy quyền hoặc thay đổi người công bố thông tin	P.Lục 01, Thông tư 155/BTC	NCBTT	Tký CTy	Tối thiểu hai mươi bốn (24) giờ trước khi có sự thay đổi	NCBTT	Tối thiểu hai mươi bốn (24) giờ trước khi có sự thay đổi	Văn phòng	NCBTT	Tối thiểu hai mươi bốn (24) giờ trước khi có sự thay đổi.
II	Thông tin về các sự kiện bất thường									
1	Các sự kiện bất thường trong 24 giờ (điểm a khoản 2 điều 10 của Quy chế)		NCBTT Giúp việc: - Văn phòng	Các Ban và Tký CTy	Trong 24 giờ khi có sự kiện	NCBTT	Trong 24 giờ khi có sự kiện	Văn phòng	NCBTT	Trong 24 giờ khi có sự kiện

2	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngày dự kiến)		NCBTT	TCKT và Tký CTy	Trước 15 ngày đăng ký cuối cùng	NCBTT	Trước 12 ngày đăng ký cuối cùng	Văn phòng	NCBTT	Trước 10 ngày đăng ký cuối cùng
III	Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN (Khoản 3 điều 10 của Quy chế)		NCBTT	TCKT và Tký CTy	Trong 24 giờ khi có yêu cầu	NCBTT	Trong 24 giờ khi có yêu cầu	Văn phòng	NCBTT	Trong 24 giờ khi có yêu cầu
IV	Tạm hoãn công bố thông tin (Điều 15 của Quy chế)		NCBTT	NCBTT phối hợp với các phòng ban	Thực hiện ngay	NCBTT	Thực hiện ngay	Văn phòng	NCBTT	Thực hiện ngay

Khog

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn